

LỊCH SỬ VIỆT NAM THUỘC PHÁP 1858-1945

*

CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC

Tác giả: Ngô Thị Quý Linh

Người Pháp rất hãnh diện về văn hóa của họ và tự nhận mang sứ mệnh khai hóa: “mission civilisatrice”.

Khi các đô-đốc người Pháp chiếm Nam-kỳ làm đất thuộc địa (1862), họ định tâm sát nhập Nam-kỳ thành một phần đất hải ngoại của chính quốc Pháp. Dân Việt ở Nam-kỳ là thuộc dân và được hưởng quy chế khá rộng rãi. Họ có thể trở thành công dân Pháp nếu họ làm đơn xin. Đô-đốc Bonard cho xây thành phố Sài Gòn theo kiến trúc Pháp. Thành phố này mang nhiều dấu vết của thủ đô nước Pháp khiến cho người ngoại quốc đến Sài Gòn có cảm nghĩ Sài Gòn là “Paris nhiệt đới”. Hôtel Continental trông như Café de la Paix ở Paris. Các hình tượng trang hoàng bên ngoài các công thự chẳng khác gì những công thự của nước Pháp cổ. Nhà Thờ Đức Bà, Sở Bưu Điện, Nhà Hát Lớn, Tòa Đô Sảnh, ... các kiến trúc Tây phương này đã được dựng lên ở miền đất xa xôi, ngập những đầm rạch lầy lội.

Người Pháp tin rằng một chính sách bản xứ hiệu quả không thể bỏ qua vấn đề tín ngưỡng. Chasseloup-Laubat, bộ trưởng Hải quân Pháp, chủ trương truyền bá cùng lúc “văn minh Thiên chúa và Pháp quốc”. Aubaret, đại úy hải quân, phụ tá của Bonard, đã đưa ra ý kiến rằng sự truyền bá đạo Thiên chúa liên hệ mật thiết đến tình hình yên ổn về chính trị ở Nam-kỳ. Ngay khi đặt chân đến Nam-kỳ, de La Grandière muốn đồng hóa dân chúng bằng đạo Thiên chúa. Ông thương lượng với Tòa Thánh La Mã để bổ nhiệm một vị giám mục làm việc với thống-đốc Nam-kỳ thành lập một giới giáo sĩ được chính phủ trả lương và lập một chủng viện lớn ở Sài Gòn để tuyển dụng các linh mục Việt Nam.

Nhờ có được nhân sự từ Pháp sang và lập ra một vài ngôi trường, năm 1867 de La Grandière bãi bỏ cựu học, cho mở trường dạy chữ Việt, chữ Pháp, toán và các khoa học sơ đẳng. Năm 1879, Le Myre de Vilers ra nghị định lập chương trình

giáo dục phổ thông ở các làng. Năm 1886, ở Nam-kỳ có 411 trường vừa dạy chữ Pháp vừa dạy chữ Hán, 111 thầy dạy người Pháp và 582 thầy dạy người Nam, có hơn 21,000 học trò.

Đầu thế kỷ thứ 20, nước Nhật, sau ba thập niên duy-tân thời Minh Trị, chiến thắng Trung Hoa (1894) và Nga (1904-1905). Ở Trung Hoa khoa cử nho học bị bãi bỏ năm 1905. Trông gương Nhật Bản và Trung Hoa, sĩ phu Việt Nam nô nức học hỏi theo Tây phương. Họ khởi xướng phong trào duy-tân trong ba kỳ và được sự ủng hộ của dân chúng. Phong trào Đông du mở đường cho thanh niên sang Nhật. Đông Kinh Nghĩa Thục ở bắc và các tư thục ở Trung đem luồng gió tân học đến mọi tầng lớp dân chúng từ thành thị đến làng quê. Phan Chu Trinh chủ trương “Bất phế Hán tự, bất túc dĩ cứu Nam quốc” (không bỏ chữ Hán, không cứu được nước Nam).

Năm 1906, toàn quyền Paul Beau cho thành lập Nha Giám đốc Học chính (Direction de l'Enseignement) và Hội đồng Cải thiện Bản xứ (Conseil de Perfectionnement de l'Enseignement Indigène) để ấn định một học trình mới phù hợp với tình thế.

Học qui năm 1908 ấn định hai chương trình học: chương trình Hán-Việt-Pháp cho các trường làng, phủ huyện, tỉnh lỵ, và chương trình Việt-Pháp dành cho các học sinh tỉnh lỵ.

Người thực sự đem đến những thay đổi quan trọng cho nền giáo dục Việt Nam ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ là toàn quyền Albert Sarraut, làm toàn quyền hai nhiệm kỳ 1911-1914 và 1917-1919. Trong giai đoạn này, có hai cuộc cách mạng quan trọng xảy ra trên thế giới: cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Hoa và cuộc Cách mạng tháng Mười (1917) ở Nga. Albert Sarraut cảm thấy rằng việc cải tổ giáo dục là điều không thể tránh.

Theo quan niệm của Albert Sarraut, giáo dục phổ thông ở Việt Nam có mục đích đem lại cho dân Việt “một nền học vấn giản dị, căn bản, cho phép trẻ em học những điều cần thiết để cải tiến hoàn cảnh thiên nhiên và xã hội trong cuộc đời khiêm tốn của người nông dân hay thợ thủ công nghệ.” (*L'Avenir du Tonkin*, 9 avril 1913)

A) — *Conseil consultatif de l'Instruction publique.* —
Institué par arrêté du 21 décembre 1917 modifié par arrêté du
20 juin 1921, il est présidé par le Directeur de l'Instruction

publique et comprend : cinq administrateurs des Services Civils désignés chacun par le Chef d'une des administrations locales (Kouang-Tchéou-Wan excepté); le Directeur de l'École française d'Extrême-Orient; le proviseur du Lycée de Hanoi; les deux inspecteurs, lettres et sciences, de l'Instruction publique; les inspecteurs des écoles normales, de l'enseignement professionnel et du dessin (1); six membres de l'enseignement, dont deux appartenant à l'enseignement supérieur, deux à l'enseignement du 2^{me} degré, deux à l'enseignement du 1^{er} degré, tous désignés par le Directeur de l'Instruction publique; un membre du Conseil Colonial de la Cochinchine désigné par cette assemblée; trois membres français appartenant à l'agriculture, au commerce ou à l'industrie et désignés un par les Chambres de Commerce et d'Agriculture de la Cochinchine et du Cambodge agissant

d'un commun accord, un par la Chambre mixte de Commerce et d'Agriculture de l'Annam, un par les Chambres de Commerce et d'Agriculture du Tonkin agissant d'un commun accord; les ministres de l'Instruction publique des Gouvernements protégés; les membres indigènes du Conseil de Gouvernement; les présidents des Chambres consultatives indigènes ou leurs délégués. Un fonctionnaire du secrétariat de la Direction de l'Instruction publique remplit les fonctions de secrétaire. Les Chefs d'Administration locale ont accès de droit aux séances du Conseil. Cette assemblée est convoquée par le Gouverneur Général sur la proposition du Directeur de l'Instruction publique et son rôle consiste à éclairer le Chef de la colonie de ses avis en ce qui concerne le règlement de toutes les questions intéressant le développement de l'Instruction publique en Indochine.

C) — Il existe dans chaque pays de l'Union un *Conseil de perfectionnement de l'Enseignement franco-indigène* créé par arrêté du 21 décembre 1917 et qui doit se réunir au moins une fois par an. Il est présidé par le Chef de l'Administration locale ou son délégué et comprend : les délégués locaux au Conseil consultatif de l'Instruction publique, le chef local du Service de l'enseignement, les directeurs et directrices des établissements de l'enseignement du deuxième degré, deux professeurs français du personnel de l'enseignement du deuxième degré et deux

Năm 1924, thống-sứ Blanchard de la Brosse, quyền lĩnh Nha Học-chính, cho mở khoa “Hán-Việt Văn-chương” ở Cao-đẳng Đông-Pháp Học-viện (tên cũ là Trường Pháp-chính). Khoa “Hán-Việt Văn-chương” có mục đích tìm hiểu các phương diện văn minh Hán-Việt, “có ý muốn dò xét trong văn chương sách vở của một dân tộc để lại, tìm lấy những dấu vết sự tiến hóa của dân tộc ấy qua các đời trước, để cho được biết tường tận sự phát đạt về lịch sử, về học thuật, về kĩ thuật, về chính trị, về xã hội thế nào.” (Phạm Quỳnh. “Học cổ-điển có ích-lợi thế nào?”, *Nam-Phong* octobre 1924)

Từ năm 1923, phủ toàn-quyền đã lưu tâm đến việc dạy nghề nhằm mục đích kỹ nghệ hóa Đông-Dương. Cuối năm 1923, có 11 trường với 1,091 học sinh. Các trường dạy nghề chia ra các ngành chuyên môn khác nhau về gỗ, điện, sắt, cơ khí, thêu đan, có trường dạy người mù. Trong số những trường dạy nghề có Trường Bách-khoa ở Hà-Nội, trường dạy làm đồ gỗ ở Gia-Định, trường dạy làm đồ gốm ở Biên-Hòa,...

Năm 1930 đánh dấu một khúc quanh quan trọng trong nền giáo dục Việt-Nam. Việc giáo dục được giao cho tổng-trưởng Học-chính Thalamas chủ trương chú trọng đến luân lý cá nhân và tư cách công dân.

Từ đầu thập niên 1930, khi mà bằng tú tài ở Việt-Nam được công nhận tương đương với bằng tú tài ở Pháp và sinh viên có thể xin nộp đơn thẳng vào các đại học bên Pháp, thì số học sinh du học bên Pháp tăng lên rất nhiều. Số du học sinh ở Nam-kỳ sang Pháp đông hơn ở Bắc và Trung-kỳ. Nguồn trợ cấp cho du học sinh có thể là gia đình, triều đình Huế, chính phủ bảo hộ. Sinh viên xin học đủ các ngành: công chánh, canh nông, y khoa, luật khoa, khoa học, văn chương.

Trong số thanh niên du học bên Pháp về, có Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch hoạt động chính trị, gây được ảnh hưởng lớn ở

Nam-kỳ. Ngoài Bắc, có Hoàng Tích Chu và Đỗ Văn học ở Paris kỹ thuật in và nghề làm báo. Khi về nước, họ cùng làm báo *Đông Tây*. Chu Mậu, du học Pháp về, mở tiệm sản xuất mũ theo phương pháp Âu Tây. Nguyễn Tường Tam (Nhật Linh) du học Pháp về, mở trường Thăng Long, làm báo *Phong Hóa* và *Ngày Nay*, lập ra nhóm Tự Lực Văn Đoàn chủ trương “theo Mới”, cùng các cộng tác viên lập ra Hội Ánh Sáng để xây những căn nhà mới và sạch cho người dân quê mua trả góp.

HỌC CHẾ

Năm 1861, sau khi chiếm ba tỉnh miền đông Nam-kỳ, đô-đốc Charner cho lập trường Thông-ngôn (Collège des Interprètes). Năm 1873, trường Thông-ngôn đổi tên là trường Hậu-bổ (Collège des Stagiaires) hay là trường Tham-biện Hậu-bổ (Collège des Administrateurs stagiaires) có mục đích đào tạo những người làm việc hành chính ở Việt-Nam.

Cũng năm 1861, đô-đốc Charner cho lập Collège d’Adran, lúc đầu cấp học bổng cho 30 học sinh sau tăng lên 100 để khuyến khích người đi học. Năm 1862, một trường nữa được mở cho khoảng 100 nữ học sinh bậc tiểu học do các sơ St-Paul de Chartres trông nom. Cả hai trường đều do ngân sách thuộc địa đài thọ.

Khoảng năm 1865, de La Grandière bắt đầu cho mở các trường làng. Năm 1867, có 56 trường hoạt động. Năm 1868, một ủy ban cố vấn về giáo dục thành hình. Năm 1879, thống-đốc Nam-kỳ Le Myre de Vilers ra nghị định ngày 17-3-1879 lập chương trình giáo dục phổ thông và đặt ra một Ủy-ban Cao-cấp về Giáo-dục Phổ-thông. Năm 1888, có 791 trường tiểu học ở Nam-kỳ trong đó có 305 trường phổ thông, 420 trường làng dạy chữ Hán, 66 trường đạo. Ngoài ra có 3 collège với 870 học sinh.

Với trợ cấp của ngân quỹ thuộc địa, giáo hội được phép mở trường cho dân Việt. Cho đến năm 1892, tại Nam-kỳ có 165 trường đạo, thu nhận gần 8,000 học sinh cả nam lẫn nữ.

Ở Bắc-kỳ, năm 1885 có hai trường Pháp được mở ở Hà-Nội và Lạng-Son, và có trường Thông-ngôn. Ở ngay Hà-Nội có một trường tiểu học công dành cho nam sinh và một trường dạy giáo viên: Ecole Normale d’Instituteurs. Năm 1908, trường Thông-ngôn Hà-Nội đổi thành trường Bảo-hộ (còn được gọi là trường Bưởi). Cùng thời gian này ở Nam-Định có Collège Jules Ferry.

Toàn quyền Paul Bert cho lập một trường mỹ thuật ở Hà-Nội, ba lớp học may cắt cho nữ sinh, hơn 100 trường dạy tiếng Việt.

Năm 1897, toàn quyền Paul Doumer cho mở trường Hậu-bô. Năm 1912, trường đổi tên là trường Sĩ-hoạn (Collège des Mandarins), năm 1918 đổi thành ra trường Pháp-chính, năm 1924, trở thành Đông-Pháp Cao-đẳng Học-viện và tồn tại cho đến khi thành lập trường Luật.

Năm 1906, Nha Học-chính đưa ra học qui như sau:

1/ Hệ thống Hán-Việt-Pháp gồm ba bậc:

- ấu-học, ở trường làng, dạy chữ Hán và chữ Việt, tốt nghiệp thi bằng tuyển-sinh;
- sơ-học, ở các phủ huyện, dạy chữ Hán và Việt, chữ Pháp tùy ý, tốt nghiệp thi bằng khóa-sinh;
- trung-học, ở các tỉnh lỵ, dạy chữ Hán, Việt, Pháp.

2/ Hệ thống Việt-Pháp chỉ có ở tỉnh lỵ, dạy chữ Việt và Pháp gồm có:

- sơ-học, học 5 năm, cuối năm thứ năm thi bằng khóa-sinh: Certificat d'Etudes Primaires. Nếu muốn học tiếp lên cao-đẳng tiểu-học (Ecoles Primaires Supérieures) thì xin vào trường Quốc học ở Huế hoặc trường Bảo-hộ (Bưởi) ở Hà-Nội.
- bổ-tập (Enseignement complémentaire), học 4 năm, sau 4 năm thi Diplôme d'Etudes complémentaires. Chương trình toàn bằng tiếng Pháp gồm có dictée (chính tả), vocabulaire (ngữ vựng), grammaire (văn phạm), composition française (luận văn), lecture (tập đọc), récitation (bài học thuộc lòng); các môn khoa học có mathématiques (toán), physique (vật lý), chimie (hóa học), sciences naturelles (khoa học thiên nhiên), géographie (địa lý), histoire (sử ký), dịch văn Pháp-Việt.
- Sau khi học xong 4 năm thi Diplôme, học thêm 2 năm thi tú tài bản xứ.

Học qui này giúp cho việc tổ chức giáo dục phổ thông được đồng nhất ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ, và cho thấy sự chuyển tiếp rõ ràng từ Hán học sang Tây học. Trong cả hai hệ thống, tiếng Việt được dạy ở bậc tiểu học.

Trong năm 1906, Paul Beau quyết định mỗi năm sẽ gửi qua Pháp du học một số quan lại và công chức.

Năm 1907, Paul Beau cho mở Đại Học Đông Dương (Université Indochinoise) ở Hà-Nội vì có đơn thỉnh cầu của các sĩ phu trong Đông Kinh Nghĩa Thục.

Toàn quyền Albert Sarraut ký nghị định ngày 8 tháng 7 năm 1917 cho mở Tòa “Đại-học tổng-cục” (Direction de l’Enseignement supérieur) với nhiệm vụ mở các trường cao đẳng và đặt chương trình cho các trường ấy. Những trường này được gọi chung là “Đại-học Đông-Dương”: Université indochinoise. Người được bổ nhiệm làm tổng-trưởng Đại-học-cục là tiến-sĩ Y-khoa Cognacq, giám đốc trường Y-học Hà-Nội.

Cuối học khóa 1921-1922, có các trường cao-đẳng như sau:

- Ecole de médecine (médecins, pharmaciens, sages-femmes)
- Ecole vétérinaire
- Ecole de droit: Section financière, Section administrative
- Ecole de pédagogie: Section des Lettres, Section des Sciences
- Ecole d’ agriculture (agents techniques d’agriculture)
- Ecole des travaux publiques (agents techniques)
- Ecole de commerce

(Nam-Phong juin 1922)

Toàn quyền Sarraut ký nghị định ngày 22-12-1917 ban bố thể lệ mới về việc học ở Đông-Dương. Việc giáo dục trong ba xứ Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ được đồng nhất lại. Sarraut giao cho C. Mus và nhiều người khác cùng soạn Code de l’Instruction publique (1917) và Règlement général de l’Instruction publique (1918). Một cơ quan thanh tra trung ương, Inspectorat général de l’Instruction publique, được thành lập để thực hiện các nhiệm vụ về giáo dục. Nhiệm vụ chính của họ là giám đốc tất cả các trường Pháp và Pháp-Việt ở Đông-Dương. Cơ quan này còn có nhiệm vụ tổ chức các buổi họp của hội-đồng Tư-vấn Giáo-dục Phổ-thông (Conseil consultatif de l’Instruction publique), kiểm soát việc tổ chức điều đặn các kỳ thi, kiểm tra việc tuyển dụng nhân viên vào ngành giáo dục, tìm hiểu những vấn đề liên hệ đến sự phát triển giáo dục phổ thông, giám sát việc ấn hành các tạp chí định kỳ về sự phạm và lưu trữ các tài liệu cần thiết.

Vị trưởng Thanh-tra, Inspecteur général, được ba viên thanh tra phụ tá, một người lo về giáo dục phổ thông, một người chuyên về huấn nghệ, một người chuyên về mỹ thuật.

Cơ quan thanh tra này được kiểm soát bởi Nha Giám-đốc Học-chính về Giáo-dục Phổ-thông. Nha Giám-đốc Học-chính có nhiều quyền hành hơn cơ quan thanh tra và có nhiệm vụ giám đốc và giám sát các cơ sở giáo dục ở trình độ cao-đẳng và

huấn-nghệ. Nha còn có nhiệm vụ đưa ra những đề nghị tổng quát về việc phát triển giáo dục ở Đông-Dương. Năm 1939, có văn phòng riêng lo về đại học.

Năm 1919 kỳ thi Hội cuối cùng được tổ chức, số đơn xin vào học các trường Pháp-Việt tăng lên. Học qui thời Albert Sarraut có hai loại trường tiểu học:

- trường yếu-lược ở làng quê chỉ có ba lớp;
- trường kiên-bị có 5 lớp: đồng ấu (enfantin); dự bị (cours préparatoire), sơ đẳng (cours élémentaire), trung đẳng (cours moyen), cao đẳng (cours supérieur). Cuối năm lớp cao đẳng thi tốt nghiệp tiểu học: Certificat d'Etudes Primaires (CEP).

Bậc trung học gồm bốn năm bổ-tập và hai năm chuẩn bị thi tú tài bản xứ.

Năm 1924, toàn quyền Merlin thay đổi học qui. Bậc tiểu học gồm 6 năm: 3 năm sơ-học, 3 năm tiểu-học. Cuối năm thứ 6 thi văn bằng Sơ-học yếu-lược: Certificat d'Etudes Elementaires Indigènes. Học trò ở tỉnh nào thì thi ở tỉnh ấy. Thí sinh phải đúng 10 tuổi tây kể đến ngày 31-12 năm dự định thi.

Hội đồng chấm thi do viên thanh tra các trường ở mỗi địa phương đề cử và do quan đốc lý hay công sứ quyết định. Hội đồng chấm thi gồm có một thanh tra hay là quan Tây làm chủ khảo, một vị quan ta (tri huyện, tri phủ, tri châu) làm phó chủ khảo và các nam nữ giáo viên nhiều hay ít tùy theo số thí sinh.

Chương trình thi gồm phần thi viết và phần thi vấn đáp, đều phải thi bằng tiếng Việt. Bài thi chữ Pháp thì tùy ý.

Bậc học bổ-tập (Enseignement complémentaire) thường được gọi là “thành-chung”, về sau đổi là cao-đẳng tiểu-học Pháp-Việt (Enseignement primaire supérieur franco-indigène). Ban thành-chung cao-đẳng tiểu-học gồm bốn năm: đệ nhất niên, đệ nhị niên, đệ tam niên và đệ tứ niên. Cuối năm đệ tứ niên thì thi Diplôme d'Etudes complémentaires. Các trường thành-chung Pháp-Việt được gọi là Collège.

Cuối học khóa 1921-1922 từ bắc vào nam có các trường trung-đẳng sau đây:

- Collège du Protectorat à Hanoi
- Ecole Normale d'Instituteurs à Hanoi
- Ecole Normale d'Institutrices à Hanoi
- Collège de Quốc Học à Hue
- Ecole Normale d'Instituteurs à Saigon
- Collège de Jeunes Filles Indigènes à Saigon

- Collège de Mytho

Trường Quốc-Học Huế (Collège de Quốc Học à Huế) mở từ năm 1896, đến năm 1909 bắt đầu mở kỳ thi Certificat d'Etudes Primaires Franco-Indigènes, thường được phiên âm ra tiếng Việt cho dễ gọi là bằng “Ri-me” hay bằng “séc-ti-phi-ca”. Các học sinh ở các tỉnh Trung-kỳ đậu bằng “Ri-me” có thể xin vào học ở ban “thành-chung” (cao-đẳng tiểu-học) của trường Quốc-Học Huế. Năm 1917, trường cao-đẳng tiểu-học Đông-Khánh (Huế) được mở cho nữ sinh.

Trường dành cho nam sinh ở Sài Gòn được khởi công xây cất vào năm 1926 theo họa đồ của một kiến trúc sư người Pháp và khánh thành năm 1927 với tên trường là Collège de Cochinchine. Trường được đổi tên là Lycée Petrus Ký kể từ học khóa 1928-1929. Học sinh các Collège sau khi thi đỗ Diplôme sẽ phải qua một kỳ thi tuyển để được vào học tại Lycée Petrus Ký. Các nữ sinh cao-đẳng tiểu-học đến học ở Collège des Jeunes Filles Indigènes à Saigon, sau này là Trường Áo Tím.

Các học sinh ở Bắc-kỳ đỗ bằng Certificat d'Etudes Primaires, ở Bắc gọi là bằng cơ-thủy, có thể nộp đơn xin học ở Collège du Protectorat ở Hà-Nội. Collège du Protectorat à Hà-Nội hay là trường Bảo-hộ, còn được gọi là trường Bưởi vì tọa lạc ở làng Bưởi. Các thí sinh có bằng cơ-thủy phải dự một kỳ thi tuyển vì mỗi khóa thường chỉ nhận vào khoảng dưới 200 học sinh.

Năm 1928, trường Bảo-hộ mở thêm cấp trung-học để thi bằng tú tài bản xứ: baccalauréat local. Bằng tú tài bản xứ gồm hai phần: - học 2 năm, cuối năm thứ hai thi tú tài phần một; đỗ tú tài phần một, học thêm một năm thi tú tài phần hai. Đỗ cả hai phần mới được kể là đậu tú tài toàn phần và tốt nghiệp trung học. Khi có thêm chương trình tú tài, Collège du Protectorat được đổi tên là Lycée du Protectorat.

Ngoài các trường vừa kể dành cho người Việt, còn có các trường dành cho trẻ em Pháp, trẻ em có quốc tịch Pháp, con các quan, con nhà thế gia ở Bắc-kỳ là Lycée de Hanoi, lúc đầu có tên là Lycée Paul Bert, sau đổi tên là Albert Sarraut. Trường dành cho nữ sinh là Ecole primaire supérieure de Jeunes Filles françaises à Hanoi. Ở trong nam có Collège Chasseloup-Laubat và Ecole primaire supérieure de Jeunes Filles françaises à Saigon. Một số thanh niên Việt, về sau có tên tuổi trong xã hội, đã xuất thân từ những trường này: Phạm Văn Đồng, Vũ Ngọc Phan,

Vũ Bằng, ... học ở Lycée Albert Sarraut; Hồ Biểu Chánh, Hồ Văn Ngà, Trần Văn Thạch, Vương Hồng Sển, ... học ở Chasseloup-Laubat.

Năm 1930, bằng tú tài bản xứ (baccalauréat local) được công nhận tương đương với tú tài Pháp (baccalauréat métropolitain) vì học sinh đỗ tú tài bản xứ thường thi tú tài Việt và Pháp và đỗ cả hai.

CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG, CHUYÊN MÔN VÀ HUẤN NGHỆ

Trường Cao-đẳng Hà-Nội được toàn quyền Albert Sarraut cho hoạt động lại ngày 28-4-1918. Số sinh viên được nhận vào các trường cao-đẳng tùy theo nhu cầu của chính phủ và tất cả đều được học bổng. Những sinh viên nhận học bổng, sau khi thành tài, phải giữ lời hứa làm việc mười năm cho chính phủ, hoặc phải trả lại tiền học vì trong khi đi học mọi chi phí đều do trường Đại học đài thọ. Sinh viên dự thính có thể đến lớp nghe bài giảng, nhưng không được ở nội trú. Các sinh viên, ngoài tiền học bổng và tiền túi, được miễn thuế và miễn khổ dịch. Đa số sinh viên tốt nghiệp thường làm tại các công sở: y sĩ làm ở bệnh viện công, kỹ sư làm cho sở Canh nông hoặc Lục lộ, sinh viên tốt nghiệp trường Luật được bổ tri huyện hay thẩm phán, sinh viên tốt nghiệp Sư phạm được bổ làm đốc học ở các trường trung học.

Năm 1930 là năm mà bằng tú tài bản xứ được công nhận là tương đương với bằng tú tài Pháp. Trình độ học sinh đã tiến triển hơn, số học sinh có bằng tú tài đông hơn khi trước. Các trường cao-đẳng được cải tổ để nâng cao trình độ học, các học sinh muốn vào đại học phải có bằng tú tài.

Năm 1931 là năm cuối các trường cao-đẳng tuyển sinh viên mà không đòi hỏi bằng cấp tú tài, chỉ cần có bằng thành-chung (cao-đẳng tiểu-học) và đủ 19 hay 20 tuổi. Các trường Công chính, Bưu điện, Thương mại không buộc phải có bằng này.

***Trường Y Dược**

Trường Y-học Dược-học, được gọi nôm na là Trường Thuốc, được thành lập năm 1902, đào tạo y sĩ bản xứ (médecin indigène), y sĩ trợ tá và dược sĩ. Ngoài mục đích thực tiễn là phục vụ dân chúng, việc thành lập Trường Y-học Dược-học còn có một mục đích chính trị mà toàn quyền Paul Doumer đã xác nhận: mở

Trường Y-học Dược-học là “một trong những cách hữu hiệu nhất và danh dự nhất cho sự xâm nhập của chúng ta.” Những công tác y tế sẽ thu phục nhân tâm một cách chắc chắn hơn trong công cuộc bình định thuộc địa.

Người đầu tiên đảm nhận việc giám đốc trường Y Dược là bác sĩ Alexandre Yersin. Khoa trưởng Đại học Y khoa ở Paris gửi bác sĩ nội khoa Degorce và bác sĩ phẫu khoa Leroy des Barres sang dạy sinh viên. Cả hai đều là cựu nội trú các bệnh viện ở Paris, là những bác sĩ xuất sắc có khả năng chuyên môn rất cao của trường Đại học ở Paris. Những ngành của trường trong giai đoạn đầu tiên là Cơ thể học (1909) và Nhãn khoa (1915). Giai đoạn này y sĩ bản xứ được đào tạo để giúp các y sĩ người Pháp. Nhưng vì cách gọi “y sĩ bản xứ” mang ý nghĩa khinh rẻ nên các y sĩ Việt đã yêu cầu chính phủ đổi ra danh từ “y sĩ phụ tá”: médecin auxiliaire.

Sau nghị định mở Đại học Đông Dương năm 1917, trường Y-học Dược-học được chuyển thành trường Cao đẳng Y Dược. Muốn vào học trường này, thí sinh phải có bằng cao-đẳng tiểu-học và qua một kỳ thi tuyển. Sau khi học xong bốn năm, sinh viên được cấp văn bằng Y sĩ Đông Dương hoặc Dược sĩ Đông Dương.

Nghị định năm 1923 nâng tiêu chuẩn học và đổi tên ra trường Y Dược Kiêm bị: Ecole de Plein Exercice de Médecine et de Pharmacie. Trường Y Dược Kiêm bị đào tạo thêm cấp Y sĩ và Dược sĩ hạng nhất. Muốn vào học cấp này, thí sinh phải có bằng tú tài; học xong bốn năm, sinh viên được cấp học bổng đi Pháp học thêm một năm. Các y sĩ phải trình luận án để trở thành bác sĩ y khoa.

Khi mới mở, trường tọa lạc ở Ấp Thái-Hà, với một bệnh viện 40 giường làm nơi thực tập cho sinh viên. Sau vài tháng, trường dọn về đường Bobillot ở Hà-Nội, và nhà thương Phủ-Doãn (Bảo-hộ) trở thành bệnh viện thực tập của sinh viên.

Năm 1932, trường thu nhận sinh viên có bằng tú tài bản xứ hoặc tú tài Pháp, dạy với tiêu chuẩn tương đương với chính quốc (Pháp), có giáo sư từ Pháp sang dạy sinh viên. Trường không cấp bằng Y sĩ và Dược sĩ Đông Dương nữa, chỉ cấp bằng Y sĩ và Dược sĩ hạng nhất. Thập niên 1930, các giáo sư trường Y học có bác sĩ Charles Massias chuyên trách nội khoa, bác sĩ Jacques Mayer May đảm nhận phẫu khoa, bác sĩ Pierre Huard dạy môn cơ thể học và bác sĩ Bernard Joyeux dạy môn cơ thể học bệnh lý.

Năm 1936, sau khi bốn giáo sư của trường đi thi và đậu thạc sĩ Y khoa Đại học Pháp thì trường Y-học được nâng lên thành Đại học Y khoa: Faculté de Médecine để đào tạo tiến sĩ Y khoa tương đương với cấp bằng tiến sĩ Y khoa ở Pháp. Học trình được thay đổi cho xứng với bằng cấp. Trường có thêm hai cơ sở mới là bệnh viện Robin (bệnh viện Bạch Mai) và viện cơ thể học và y luật khoa: Institut d'Anatomie et de Médecine légale.

Năm 1939, ban Nha khoa được thành lập để đào tạo nha sĩ với chương trình học trong vòng 5 năm.

Năm 1941, trường Y Dược Kiêm bị được đổi thành Đại học Hỗn hợp Y Dược: Faculté mixte de Médecine et de Pharmacie, có thêm quyền cấp phát văn bằng. Các kỳ thi mãn khóa vẫn có giáo sư từ Pháp sang làm chánh chủ khảo.

***Trường Luật**

Sau khi Liên-bang Đông-Dương thành lập, chính phủ mở trường đào tạo người giúp việc hành chánh ở Đông-Dương. Trường Hậu-bổ ở Hà-Nội được thành lập năm 1897, đến năm 1912 đổi tên là trường Sĩ-hoạn: Collège des Mandarins. Trường Sĩ-hoạn có hai khoa: một về sự phạm dạy giáo viên và một về hành chánh. Trong khoa hành chánh lại chia hai khu: một dành cho những người xuất thân cựu học và một dành cho những người xuất thân từ các trường Pháp hoặc Pháp-Việt. Ở Huế cũng có trường Hậu-bổ. Học trò học trong khoảng bốn, năm năm; khi tốt nghiệp hai trường này, họ vào thi ở Kinh rồi ra làm quan được bổ phủ, huyện, huân, giáo. Năm 1918, trường Sĩ-hoạn đổi thành ra trường Pháp-chính. Năm sau, trường Hậu-bổ Huế được sáp nhập vào trường Pháp-chính ở Hà-Nội.

Chương trình học ở trường Pháp-chính gồm có: pháp luật nước Pháp, chính trị Đông-Dương, kinh tế, công pháp và tư pháp quốc tế, chữ nho, điển lệ và pháp luật nước Nam.

Năm 1924, trường Pháp-chính được thay bằng Đông-Pháp Cao-đẳng Học-viện. Ngoài các khoa về luật pháp, chính trị, chương trình học có thêm các môn học về lịch sử, văn minh Đông Tây, về tôn giáo và mỹ thuật, về địa dư và lịch sử các dân tộc ở Đông-Pháp và Á-đông, và môn văn chương Hán-Việt.

Trường Cao-đẳng Luật-học ở Hà-Nội được khánh thành ngày 15 tháng 2 năm 1932 với sự chủ tọa của toàn quyền Pasquier và chánh đốc-học Đông-Dương Thalamas. Sinh viên học ba năm thi tốt nghiệp cử-nhân luật-khoa. Trường được tổ chức theo khuôn mẫu trường Luật ở Pháp với một số môn học liên hệ đến Đông-Dương. Mỗi năm có kỳ thi tuyển, và hai người đứng đầu được học bổng bán phần. Ngoài ra, một phần mười số sinh viên được nhận học bổng bán phần hay toàn phần. Mỗi năm có một giáo sư Pháp ở trường Luật từ Paris sang Hà-Nội để giám sát việc thi lấy bằng. Việc giảng dạy có gặp khó khăn vì khó tìm được giáo sư Pháp có khả năng muốn đến dạy học ở Hà-Nội.

Năm 1939, trường Hành-chánh Đông-Dương được thành lập. Lúc trước, hành chánh là một môn học được dạy vào năm cuối của học trình trường Luật. Từ nay trở đi, hai ngành hành chánh và luật pháp thực sự được tách rời. Các sinh viên xuất thân từ hai trường khác biệt nhau sẽ có những trách nhiệm khác nhau.

Năm 1940, Hội Cao-đẳng Nghiên-cứu Luật và Xã-hội Viễn-đông được thành lập. Ngoài nhiệm vụ cấp văn bằng, Hội còn là trung tâm nghiên cứu và gìn giữ tài liệu về các vấn đề liên quan đến luật pháp.

Năm 1941, trường Cao-đẳng Luật-học trở thành một phân khoa đại học: trường Luật-khoa Đông-Dương có chương trình tiến sĩ về dân luật và chương trình cao-đẳng về tư luật. Hai năm sau, có thêm ngành kinh tế chính trị và kinh tế. Chương trình học tương đương với chương trình ở Pháp.

Cùng với trường Y-khoa, trường Luật-khoa là sự hãnh diện của nước Pháp về phương diện giáo dục ở Đông-Dương.

***Trường Thương-nghiệp**

Trường khai giảng ngày 15-9-1920 tại Phố Hàng Trống, Hà-Nội. Trường là một ban của trường Đại-học Đông-Dương.

Thẻ thức nhập học: học trò muốn xin vào học phải có bằng tốt nghiệp cao-đẳng tiểu-học (Diplôme de Fin d'Etudes complémentaires). Học trò không phải trả tiền học và ăn ở ngoài trường. Tùy trường hợp, chính phủ có thể cho học bổng và cho ăn ở trong trường. Các khoản phí này trích từ sổ chi tiêu Đông-Pháp hoặc sổ chi tiêu riêng mỗi xứ. Hạn học là hai năm. Sau khi tốt nghiệp, có thể được bổ dụng

vào chức tham-biện ở các công sở của chính phủ hoặc vào làm ở các thương cuộc lớn và các ngân hàng.

Chương trình học gồm có các sinh ngữ Pháp, Anh, Hoa, toán học, đại số học, kỹ hà học, kinh tế địa dư học, hóa học, thương nghiệp, pháp luật học, thương phẩm học, học về sản vật các thuộc địa, về võ trang các tàu biển, học tốc ký, học đánh máy chữ, học vệ sinh.

***Trường Sư-phạm**

Trường Cao-đẳng Sư-phạm được thành lập sau khi có nghị định ngày 15-10-1917. Trường có mục đích đào tạo các giáo sư người Việt để dạy học cấp cao-đẳng tiểu-học. Trường Sư-phạm, Ecole Normale, vẫn hoạt động với trình độ như cũ đào tạo các thầy cô giáo bậc tiểu-học.

***Trường Mỹ-thuật**

Trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Đông-Dương được thành lập vào tháng 10-1925 ở Hà-Nội, ban kiến trúc được mở vào tháng 10-1926. Người được nhớ đến nhiều nhất là Victor Tardieu đã có công thành lập ra trường. Ông vừa dạy vẽ vì chính ông là một họa sĩ, vừa dạy cả điêu khắc. Ông được học trò cũ của ông là Nguyễn Nam-Son, phụ việc giảng dạy. Họa sĩ Nam-Son sang Pháp tiếp tục học về mỹ thuật và sau đó trở về làm việc ở trường Mỹ-thuật.

Trường dạy đủ các kỹ thuật về hội họa và điêu khắc: vẽ trên lụa, vẽ màu nước gouache, sơn dầu, sơn mài, khắc gỗ màu, điêu khắc, nặn tượng, vẽ mẫu vải cho kỹ nghệ dệt. Trường nhiều lần tổ chức những buổi triển lãm công trình của các sinh viên mỹ thuật. Tài nghệ của họ đã làm cho nhiều người Pháp thán phục vì họ đã học được cách dung hòa Đông Tây để tạo ra được một nền mỹ thuật đặc sắc cho Việt-Nam không còn lệ thuộc vào Trung-Hoa. Trường đã đào tạo cho xã hội Việt-Nam những thế hệ họa sĩ, điêu khắc gia và kiến trúc sư đầu tiên diễn tả được tình tự dân tộc theo khuynh hướng và qui củ nghệ thuật Tây phương.

***Trường Kỹ-thuật, Kỹ-nghệ, Bách-nghệ**

Ở Nam-kỳ, tỉnh Biên-Hòa có trường dạy làm đồ gốm do hai ông bà Balick phụ trách; tỉnh Thủ-Dầu-Một có trường dạy làm đồ gỗ, khai thác loại cây danh mộc thiên nhiên như rừng Bình-Thuận, các loại cây gỗ quý như trắc, cẩm lai, mun, gỗ đỏ.

Ở Gia-Định có trường dạy môn vẽ: Ecole de dessin à Gia-định, đào tạo công chức cho trường Công-lộ (Travaux Publics), vẽ họa đồ nhà, vẽ kiểu xây cầu cống, v.v... Trường còn dạy vẽ địa đồ ruộng, đo đất ruộng vườn.

Ở Sài-Gòn, đầu thế kỷ thứ 20 có trường Bá-Nghệ, lúc đầu tên gọi là Ecole Professionnelle d'Industrie, sau đổi là Ecole Pratique d'Industrie. Trường dạy làm đồ gỗ, học trò được tuyển vào thực tập tại một xưởng mộc của một kỹ sư người Pháp tên Foinet và một hãng của Pháp có tên là Etablissement Lamorte.

Trường Máy tên gọi là Ecole des Mécaniciens Asiatiques có từ năm 1906, dạy về máy tàu và máy xe hơi. Trường đào luyện nhiều thế hệ “sốp-phơ” (chauffeur) lái ô-tô, thợ máy sửa xe hơi và nhiều loại máy khác, trong đó có thầy đội coi máy tàu ở các tỉnh Nam-kỳ. Có học viên ra làm xếp máy hãng sản xuất đường mía Hiệp-Hòa. Học viên tốt nghiệp trường Máy được trả lương cao, ngang hàng với lương thư ký ngạch Soái-phủ (dinh thống-đốc), khoảng 60 đồng một tháng vào thời ấy.

Năm 1922 trường Bá-Nghệ và trường Máy được nhập làm một gọi tên là Ecole Technique Spéciale de Saigon. Trường giao cho kỹ sư Rosel điều hành. Rosel người Toulon (Pháp), xuất thân trường Quốc-gia Mỹ-nghệ tỉnh Aix, sang Đông-Dương làm kỹ sư về máy nơi Sở Ba-son (Arsenal) dưới quyền đề-đốc Courbet. Rosel nhìn xa, muốn khuyến khích những người học về cơ khí. Rosel can thiệp với chính phủ thuộc địa trả lương cao cho những học viên tốt nghiệp của trường. Thầy thợ dạy ở trường được trả lương hậu và được cấp nhà ở không phải trả tiền nhà. Năm 1948, trường Máy đổi tên là Ecole Rosel.

Ở Hà-Nội có trường Kỹ-nghệ Thực-hành: Ecole Pratique d'Industrie, viết tắt là EPI, nằm ở hai đường Hàng Kèn và Tràng Thi. Trường dạy hai ngành gỗ và sắt. Về ngành sắt, học viên học các nghề làm thợ nguội, thợ tiện, thợ rèn. Tốt nghiệp ban sắt, học viên có thể đi làm tại những công xưởng chuyên môn chế biến máy móc sản xuất kỹ nghệ (machine outils). Ngoài những giờ thực tập tại cơ xưởng, học trò phải học vẽ đồ bản kỹ nghệ (dessin industriel).

*

Năm 1932 là năm rất quan trọng chấm dứt một giai đoạn chuyển tiếp từ Hán học sang Tây học. Vào lúc này, đã có những thanh niên hoàn toàn được đào tạo trong nền giáo dục tân học. Một số thanh niên nỏ nức sang Pháp du học. Hán học bị đẩy lùi vào dĩ vãng, chẳng mấy ai thiết đến.

Trong thời gian chiến tranh 1940-1945, có nhiều sự thay đổi cố gắng nâng cao trình độ học vấn ở Đông-Dương lên gần với chính quốc (Pháp) theo sự đòi hỏi của giới trí thức Việt-Nam. Trường Cao-đẳng Khoa-học được thành lập năm 1941. Đến năm 1945, ở trình độ cao nhất của hệ thống giáo dục Đông-Dương, các trường Y-khoa và Luật-khoa có thể được sánh ngang với các trường Đại học ở Pháp về phương diện nhân sự, học trình, phương tiện.

*La plus grande valeur humaine,
c'est l'homme lui-même.*

*Pour mettre en valeur le globe terrestre,
il faut d'abord mettre l'homme en valeur.*

- Anatole France

Bài viết này được đánh máy lại và trích từ quyển sách *Lịch Sử Việt Nam Thuộc Pháp 1858-1945*, tác giả Ngô Thị Quý Linh, nhà xuất bản Ý Linh, Hoa Kỳ, 2002.

Trong thời gian tác giả biên khảo sách này, những biên khảo bằng tiếng Việt trên internet chưa được phổ thông nên tác giả đã tham khảo các sách ngoại ngữ, microfilm trong thư viện Đại học Rice và Cornell, và các sách tiếng Việt từ thư viện riêng của tác giả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Coyle (Joanne Marie). *Indochinese Administration and Education: French Policy and Practice, 1917-1945*; a thesis presented to the Faculty of the Fletcher School of Law and Diplomacy, April 15, 1963.

Hoàng Cơ Thụy. *Việt Sử Khảo Luận, Từ Thái Cổ đến Hiện Đại*. Hội Văn Hóa Hải Ngoại, Pháp 1987-1998.

L'Indochine, Histoire d'Un Siècle 1843-1944. L'Illustration, 1987.

Nam-Phong Văn-học Khoa-học Tạp-chí. Hanoi 1917-1934.

Nguyễn Thế Anh. *Việt-Nam thời Pháp Đô-hộ*, Lửa Thiêng xuất bản, Việt Nam 1970.

Nguyễn Xuân Chữ. *Hồi ký*, Văn Hóa xuất bản và phát hành, Hoa Kỳ 1996.

Nguyễn Xuân Thọ. *Bước Mở Đầu của sự Thiết Lập Hệ Thống Thuộc Địa Pháp ở Việt Nam (1858-1897)*, Pháp 1995.

Sơ lược Giáo dục Y khoa tại Việt Nam & Lịch sử Y học, Hội Quốc tế Y sĩ Việt Nam Tự Do ấn hành, Canada 1997.

Vũ Ngọc Phan. *Nhà Văn Hiện Đại, Phê Bình Văn Học*. Nhà Xuất Bản Thăng Long, Saigon 1959.

Vương Hồng Sển. *Sài Gòn Năm Xưa*, Khai-Trí xuất bản, Sài Gòn 1968.